

Quản lý và chăm sóc ấu trùng:

- Giai đoạn Nauplius: Sống nhờ noãn hoàng, không ăn thức ăn ngoài.
- Giai đoạn Zoca cho ăn tảo tươi, tảo khô, lansy..., sục khí nhẹ.
- Siphon đáy bể hàng ngày: Loại bỏ phân, thức ăn thừa và xác ấu trùng ra khỏi bể.

Thay hoặc cấp thêm nước mới kích thích lột xác.

- Giai đoạn mysis: Cho ăn tảo tươi, N₀, Lansy, Fripak, luân trùng và Nauplius của Artemia. Sục khí mạnh hơn.

Thay nước: 10 - 50% thể tích bể ương/ ngày tùy thuộc tình trạng sức khỏe ấu trùng.



Kiểm tra ấu trùng trong bể ương ngoài trời

- Giai đoạn Postlarvae (P): Thức ăn tốt nhất cho ấu trùng P là Nauplius của Artemia và luân trùng, ngoài ra còn bổ sung thức ăn tổng hợp và thức ăn tự chế biến.

Siphon đáy và thay nước hàng ngày.

Thu hoạch:

Vớt tôm giống chuyển ra dụng cụ chứa, xác định số lượng.

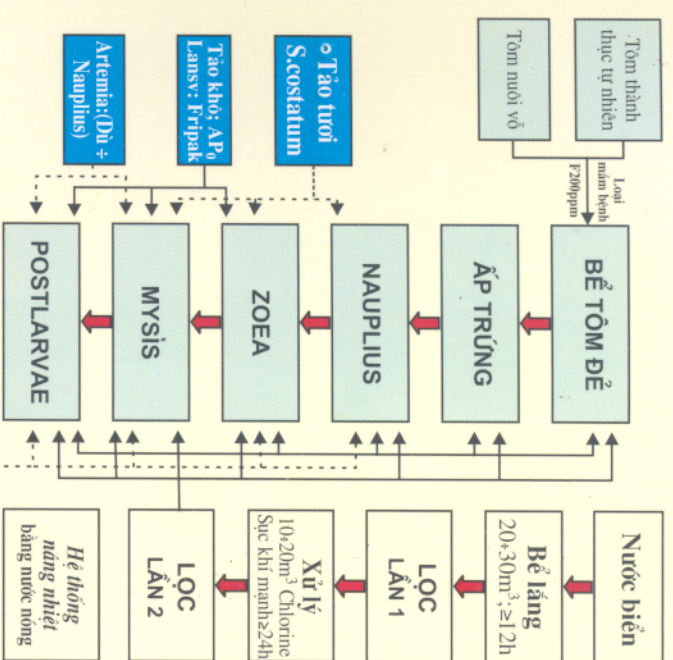
Đóng túi: Chuẩn bị đủ số lượng túi PE kiểm tra loại bỏ túi hở.

Cho đủ lượng nước vào túi, nếu thời gian vận chuyển trên 5h cho thêm Artemia vào túi.



Trao đổi kinh nghiệm với người nuôi





Thuốc và hóa chất:

- Cafeciline, Doxycilin, Tipomicin, Rifamicin, Tergyan, Costrin, Nitatin, Grisoflulvit, Formol
- Nồng độ sử dụng: 0,5 - 3,0ppm
- Tác dụng phòng, trị bệnh: Phát sáng, trắng thân, đường ruột, nấm...
- Iodin, Malachite green, Formalin, Treflan, Trifuralin...
- Nồng độ: 0,2 - 20ppm
- Tác dụng phòng, trị bệnh: Diệt khuẩn, ký sinh trùng

Quy mô và phạm vi áp dụng:

Quy mô nông hộ hoặc trang trại.

Áp dụng cho các vùng ven biển, hải đảo có nguồn nước mặn, lợ.

Địa điểm xây dựng trại giống:

Nằm ở vùng cao triều ven biển, gần nơi cung cấp nguồn nước mặn.

Độ mặn nguồn nước dao động từ 20 - 30‰.

Thuận tiện giao thông và điện dân dụng.

Thiết bị:

Bể nuôi vỗ: Bể có dung tích từ 6 - 12 m³.

Bể ương: Bể xi măng, Composite dung tích từ 2 - 8 m³.

Nuôi thức ăn tự nhiên: Túi PVC 50 - 70 lít.

Hệ thống lọc nước bằng vi sinh, cấp khí, cấp nhiệt, hệ thống chiếu sáng...

Các dụng cụ chuyên dùng khác.

Chuẩn bị và xử lý nước:

Bể và dụng cụ ương nuôi: Rửa sạch và ngâm 150 - 200ppm Chlorin A từ 10 - 20 giờ. Sau đó rửa sạch bằng hóa chất, chế phẩm sinh học và EDTA.

Tuyển chọn tôm bố mẹ:

Chọn tôm mẹ khỏe mạnh, nguyên vẹn, màu sắc tự nhiên. Thelicum có thêm phần phụ hình loa kèn. Khối lượng: 80 - 120 gam.

Buồng trứng ở giai đoạn IV, phình rộng ở đốt bụng I & II, màu xanh đậm, không ngắt quãng.

Vận chuyển tôm bố mẹ bằng thuyền vắng hoặc thùng có sục khí.

Nuôi tái phát dục:

Tôm thoát hoá trứng hoặc tôm đã tham gia sinh sản có thể nuôi phát dục trở lại nhờ kỹ thuật cắt mắt, che tối và thay nước.

Mật độ nuôi 3 - 4 con/m²

Thức ăn: Tôm ký cư, thịt nhuyễn thể, giun nhiều tơ. Cho ăn 1 - 2 lần/ngày tương ứng 10% trọng lượng thân.

Nuôi tôm giao vĩ:

Tôm nuôi giao vĩ trong bể: Tỷ lệ đực/cái = 1/1

Kỹ thuật nuôi:

Môi trường nuôi: Nước có độ muối 28 - 30‰, pH: 7,5 - 8,5. Nhiệt độ nước 26 - 28 °C. Oxy hoà tan DO > 5mg/l.

Thức ăn và chế độ cho ăn: Giun, thịt nhuyễn thể, ốc mươn hồn, cá mực... Khẩu phần ăn từ 10 - 15% khối lượng tôm, cho ăn 3 lần/ngày. Thay nước 2 lần/ngày và 100% nước/lần. Kiểm tra và xác định độ thành thực của tôm sau 2 - 3 ngày nuôi.

Cho tôm đẻ và ương ấu trùng:

Bể đẻ 1 - 2m³, cấp nước đã xử lý vào bể từ 0,6 - 0,8m. Tôm mẹ được tắm 200ppm Formol trong 30 phút để loại trừ mầm bệnh trước khi cho vào bể đẻ.

Tôm thường đẻ từ 21 - 23 giờ, tập trung ở 22 giờ. Ở nhiệt độ 26 - 28 °C, sau 14 - 16 giờ, trứng nở thành ấu trùng Nauplius.



Postlarvae 10 của tôm he Nhật Bản